

PHIẾU YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
APPLICATION FORM FOR CHANGES OF INFORMATION AND SECURITIES TRADING
SERVICES

Mẫu dành cho tổ chức/For Institutional Customer

Tài khoản Giao dịch chứng khoán số
Securities transaction account number

0	5	8							
---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/CUSTOMER INFORMATION

Nhà đầu tư tổ chức (Chữ in hoa)/Institutional investor (in capital letter):

Số ĐKDN/Business Registration Certificate No.:

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Issuing authority:

Địa chỉ trụ sở chính/Head office address:

Điện thoại/Telephone: MST/Tax code:

Điện thoại di động/Mobile number: Email:

Người đại diện theo pháp luật/Legal representative: Chức vụ/Position:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Identity card/Citizen identity card/Passport No.:

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Issuing authority:

Người đại diện theo ủy quyền của Tổ chức/Authorized representative of the institution:

Chức vụ/Position:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Identity card/Citizen identity card/Passport No.:

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Issuing authority:

II. NỘI DUNG YÊU CẦU THAY ĐỔI/REQUEST FOR INFORMATION UPDATE**1. Thay đổi thông tin Khách hàng/Change the Customer's information**☐ Thay đổi tên tổ chức/Change the name of the institution:☐ Thay đổi số ĐKDN/Change the Business Registration Certificate:☐ Ngày cấp/Date of issue: ☐ Nơi cấp/Issuing authority:☐ Thay đổi trụ sở chính/Change the head office address:☐ Thay đổi số điện thoại/Change the telephone No.:☐ Thay đổi email/Change the email:☐ Thay đổi Người đại diện theo PL/Change the legal representative:

Chức vụ/Position:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Identity card/Citizen identity card/Passport No.:

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Issuing authority:

☐ Thay đổi Người đại diện theo ủy quyền/Change the authorized representative:

Chức vụ/Position:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Identity card/Citizen identity card/Passport No.:

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Issuing authority:

Thay đổi thông tin người UQ/Change information of Authorized person

- ☐ Số CCCD/Căn cước người UQ/Identity card No.Ngày cấp/Date of issue:
 Nơi cấp/Issuing authority:
☐ Thay đổi số điện thoại/Change the telephone No.:.....
☐ Thay đổi email/Change the email:

2. Thay đổi dịch vụ Giao dịch chứng khoán/Change securities transaction services

- | | Đăng ký/
Register | Hủy đăng ký/
Cancel |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| ▪ Giao dịch Chứng khoán phái sinh (EzFutures)/Derivatives securities trading | ☐ | ☐ |
| ▪ Ứng trước tiền bán chứng khoán /tiền cổ tức (EzAdvance)/Advance of proceeds of securities sold and cash dividends | ☐ | ☐ |
| ▪ Dịch vụ Tư vấn đầu tư (EzAdvisorSelect)/Investment advisory service | ☐ | ☐ |
| ▪ Dịch vụ chuyển tiền trực tuyến (EzTransfer)/Online transfer money service | | |
| ○ Chuyển tiền không hạn chế người thụ hưởng (Sử dụng Token Card)/Transfer money to unlimited beneficiaries (Token Card is required) | ☐ | ☐ |
| ○ Chuyển tiền trực tuyến đến Số tài khoản chính chủ hoặc người UQ/Transfer money online to the account in the name of the accountholder or the authorized person | ☐ | ☐ |
| Tên chủ tài khoản/Name of Accountholder: | | |
| Số tài khoản Ngân hàng/Bank account No.: | | |
| Ngân hàng/At bank: | | |
| Chi nhánh/TP/Branch/City: | | |
| Tên người UQ/Name of authorized person: | | |
| Số tài khoản Ngân hàng/Bank account No.: | | |
| Ngân hàng/At bank: | | |
| Chi nhánh/TP/Branch/City: | | |
| ▪ Advisor-supported Trading | ☐ | ☐ |
| Name of the Advisor | | |

3. Đăng ký thay đổi phương thức xác thực giao dịch chứng khoán/Register changes in authentication methods for securities transaction

- ☐ Giao dịch qua điện thoại (Bắt buộc sử dụng Token Card)/Transaction via telephone (Token Card is required)
☐ Giao dịch trực tuyến/Online transaction
- | | | |
|---|---|-------------------------------------|
| ☐ SMS OTP (Có thu phí/Receive paid SMS messages) | ☐ Email OTP | ☐ Token Card |
| ☐ Smart OTP(installed on EzMobileTrading app) | ☐ Chứng thư số/Digital Certificate (Đăng ký tại quầy/ Register at the counter) | |

4. Đăng ký nhận thông tin qua email/Register information reception via email

- ☐ Kết quả giao dịch hàng ngày (Lệnh đặt tại sàn và qua điện thoại)/Daily trading results (Orders placed at FPT's offices and via telephone)
☐ Sao kê tài khoản hàng tháng/Monthly account statements
☐ Hóa đơn điện tử (phải có MST)/Electronic invoice (tax code is required)

5. Đăng ký nhận thông tin qua tin nhắn SMS *Register methods of receiving information via SMS messages*

- **Nhận tin nhắn SMS có thu phí/Receive paid SMS messages** ▪ **Nhận tin nhắn SMS không thu phí/Receive free SMS messages**

- ☐ Số dư tiền, chứng khoán đầu ngày/*Cash and securities balance at the beginning of the day* ☐ Kết quả khớp lệnh với lệnh qua sàn/điện thoại/*Stock trading results of orders placed at FPTS's offices/ via telephone*

☐ Biến động số dư tiền/*Cash balance changes*

☐ Kết quả khớp lệnh giao dịch trực tuyến/*Online stock trading results*

6. Thay đổi khác/Other changes

III. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN/REGISTER SECURITIES INVESTMENT INFORMATION

1. Thông tin đầu tư Chứng khoán/Securities investment information

- Mục tiêu đầu tư/*Investment objectives* ☐ Ngắn hạn/*Short term* ☐ Trung hạn/*Medium term* ☐ Dài hạn/*Long term* ☐ Khác/*Others*
- Mức độ chấp nhận rủi ro/*Risk tolerance* ☐ Thấp/*Low* ☐ Trung Bình/*Medium* ☐ Cao/*High*
- Hiểu biết về đầu tư/*Investment knowledge* ☐ Chưa biết/*None* ☐ Còn hạn chế/*Little* ☐ Tốt/*Good* ☐ Rất tốt/*Very good*
- Kinh nghiệm trong đầu tư/*Investment experience* ☐ Cổ phiếu/*Stocks* ☐ Trái phiếu/*Bonds* ☐ Chứng khoán khác/*Others* ☐ Chưa có/*Not yet*

2. Đây có phải là tài khoản ủy thác không?/ ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Is this a discretionary account?

Họ và tên người ủy thác/*Full name of the trustor:*

3. Công ty đại chúng mà Khách hàng là người liên quan đến NNB/Name of the public company where the Customer is a person related to the insider

STT No.	Mã chứng khoán Securities symbol	Thông tin NNB/Insider information		
		Chức vụ tại Công ty Position in the Company	Quan hệ với NNB/ Relationship with the insider	Tên và chức vụ của NNB/ Name and position of the insider

4. Tên công ty đại chúng mà Khách hàng sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết/ Name of the public company in which the Customer owns 5% or more of the outstanding voting shares

.....

5. Tài khoản của các Công ty chứng khoán khác/Accounts in other securities companies

STT No.	Tên Công ty chứng khoán Name of securities company	Số tài khoản là chính chủ Account number in the name of the accountholder	Số tài khoản là giao dịch ủy quyền Discretionary account number

6. Đăng ký thay đổi Mẫu dấu/chữ ký giao dịch/ Register changes in sample seal/signature for transaction

0	5	8							
---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

Mẫu dấu mới/New seal sample		Chữ ký mới người UQ New signature of authorized person (ký, ghi rõ họ tên/ Signature and full name)	Chữ ký mới Chủ TK New signature of Accountholder (ký, đóng dấu ghi rõ họ tên/ Signature, seal and full name)
Mẫu dấu Seal sample 01	Mẫu dấu Seal sample 02		

Hà Nội/Hanoi, ngày/day.....tháng/month.....năm/year.....

Chủ tài khoản/Accountholder
 (ký, ghi rõ họ tên/signature and full name)

IV. PHẦN DÀNH CHO FPT/ FOR FPT

FPTS chấp nhận yêu cầu thay đổi thông tin về tài khoản và dịch vụ của Khách hàng như trên kể từ ngày.....tháng.....năm...../ *FPTS hereby accepts the registration for changes in the Customer's account and service information as requested hereinbefore from day.....month.....year.....*

Cán bộ tài khoản
Account officer
 (ký, ghi rõ họ tên/signature and full name)

Cán bộ kiểm soát
Superintendent
 (ký, ghi rõ họ tên/signature and full name)

Đại diện FPT
FPTS representative
 (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/signature, seal and full name)